

VIỆT - NAM TIÊU - HỌC TÙNG - THƯ

QUỐC-VĂN GIÁO-KHOA THƯ LỚP ĐÔNG ẤU

(Sách này do Nhà Học chính Đông-Pháp đã gao cho
ông TRẦN-TRỌNG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC
ông ĐẶNG-DINH-PHÚC và ông ĐỖ-TIỀN soạn)

In lần thứ mười lăm



NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT BẢN

1943

VIỆT - NAM TIÊU - HỌC TÙNG - THƯ

QUỐC-VĂN GIÁO-KHOA THƯ LỚP ĐỒNG ẤU

(Sách này do Nha Học-chính Đông-Pháp đã giao cho
ông TRẦN-TRONG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC
ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC và ông ĐO-THẬN soạn)

In lần thứ mười lăm



NHA HỌC CHÍNH-ĐÔNG-PHÁP

XUẤT - BẢN

— 1943 —

TỰA

Chương-trình khoa tập đọc ở lớp đồng Đồng-ấu có những mục sau này: Chữ cái — Văn — Tiếng — Câu ngắn — Bài ngắn mà ý-tư liên-lạc với nhau. Thứ tự phải dùng như thế thì đủ biết rằng ở lớp này, người ta cốt tập con trẻ đọc và ông thầy phải để hết tâm-trí vào công việc quan-trọng ấy. Khi trẻ em đã đọc được các bài tập đọc ở quyển sách này, bắt đầu từ bài học thứ 79 trở đi, thì mục-dịch sẽ tới được.

Sách giáo-khoa này chỉ là bản cũ đổi lại ít nhiều thôi. Ở bản sách mới này, đầu tiên học những chữ âm cùng với các dấu.

Học âm tự, thì mỗi khi học một âm-tự nào, thì học luôn cả dấu đi với âm-tự chính ấy để cho học trò quen mà coi âm tự có dấu như một âm tự riêng vậy. Thí dụ: âm-tự a thì đọc luôn cả á, à, ả, ã, ạ, như là năm âm-tự khác nhau vậy.

Hình vẽ nào ở trong sách cũng có mục đích dạy âm của chữ. Thí dụ: ông thầy nói: học trò đánh bi, thì chỉ vào những viên bi ở trong hình vẽ, nói tiếng bi để cho học trò nói theo rồi giảng cho học-trò nhận trông tiếng bi có chữ âm i và chỉ chữ i, in ở dưới hình vẽ cho học-trò nhận. Như thế thì học-trò vừa nghe được âm chữ vừa trông thấy hình chữ và đọc ra. Ông thầy lại có thể nói những tiếng: bí, bì, bĩ, bĩ, bĩ, và đưa những chữ ấy vào bài học để cho học-trò hiểu rằng cái dấu rất quan-hệ.

Những chữ trợ âm thì xếp thành từng bọn tùy theo chữ để viết hay khó viết vì học-trò vừa tập đọc, vừa tập viết luôn một lúc, vậy phải tiến một cách có tuần tự. Nên dùng cách đánh vần lối mới, như ở bản Quốc-văn giáo khoa cũ (lớp Đồng-ấu). Hình vẽ cũng dùng cả vào việc ấy nữa. Thí dụ ông thầy chỉ cái tử, để học-trò gọi tên nó ra, dẫn cho học-trò nhận chữ «t» đã học rồi và cho học-trò đồng thanh học chữ ấy. Tự khắc là học-trò sẽ nhận thấy chữ trợ âm «t» phải học thế nào, chắc là không bao giờ chúng có cái tư-tưởng đọc chữ trợ âm ấy là «tê» như người ta học thời xưa. Theo phép đánh vần mới này, thì học những vần ngược rất dễ dàng, chỉ việc đọc thẳng đi là thấy người ta phát âm ra thế nào (ít, in, an v. v...). Nếu người ta đọc chữ «tê» là tê, thì người ta phải viết tê chứ không phải là it nữa; đọc n là enơ thì phải viết là ien thế là sai rồi.

Phát-âm-tự thì chính nó không có thanh-âm, chữ phát-âm x nếu người ta muốn đọc cho đúng tiếng Việt-nam thì không phải là «ikxi» mà cũng không phải là «esse».

Chữ ấy muốn đọc cho đúng thì nó phải dính với một âm-tự. Nó chỉ là cái thanh phát ra thì người ta để lưỡi vào giữa hai hàm răng cắn lại và phì hơi ở trong ra. Nó gần như là sss, như là tiếng rần phì chứ không phải là một âm. Nếu người ta viết : xa, xu thì đọc như là sa, sou chữ tây, bây giờ chữ x mới phát được đúng âm.

Cứ tuần tự mà tiến thì phải học vần ngược nhị-liên-âm trước vần ngược tam-liên-âm. Tuy đọc hay phát âm những vần ấy liên là một nhưng còn phải tập cho con mắt trông quen đi đã, vậy không nên đọc vần «uôi» trước khi học vần «ôi».

Chỉ dẫn cách ghép thành chữ ở trên bảng thì không gì bằng dùng phấn màu hay hoạt-tự.

Phấn trắng : êu, ều, êu, ề.

Phấn trắng và phấn đỏ : iêu, iều, iêu iêu (i viết bằng phấn đỏ, còn các chữ sau viết bằng phấn trắng).

Khi vần «iêu» đã thuộc rồi.

Phấn trắng : iêu, iều, iêu, iêu.

Phấn trắng và phấn đỏ : tiêu (chữ t viết bằng phấn đỏ hay dùng hoạt tự).

Còn như đọc những bài ở bên cạnh hình vẽ, ông thầy có thể cho học-trò đọc những vần và chữ bất cứ thứ tự nào để cho học-trò khỏi đọc thuộc lòng. Ông thầy lại còn có thể tự mình đặt ra bài khác cho học-trò tập đọc ở bảng. Trong thời-kỳ học vần thì học xong bài nào, học-trò phải chép bài ấy ra : ông thầy phải chỉ cho học-trò viết những chữ ấy thế nào. Cách sau này thì thí nghiệm đã thấy kết-quả tốt, là tháng thứ nhất tập viết vào bảng đá hay ván sơn (khô giấy học-trò dùng) tháng thứ hai viết bằng bút chì, vào vở, tháng thứ ba viết bằng bút mực vào vở.

Theo nguyên-tắc các trường công thì học-trò học vần và học đọc phải sáu tháng, vì học-trò lớp đồng-ấu cũng còn phải học các học-khoa khác nữa.

Như thế ông thầy có thừa thì giờ để dạy học-trò đọc. Vậy ông thầy phải dạy cho chu đáo, dạy chữ cái nào học-trò thật nhớ và thuộc rồi mới dạy sang chữ khác.

Những tiếng có nghĩa cần phải cắt nghĩa qua mà không phải là bài học tiếng, ông thầy phải hết sức làm cho những bài học có vẻ hoạt động và làm cho sự truyền thụ của mình vui mới được.

Lúc mới bắt đầu học thì đừng cho tập viết chữ hoa vì khó quá.

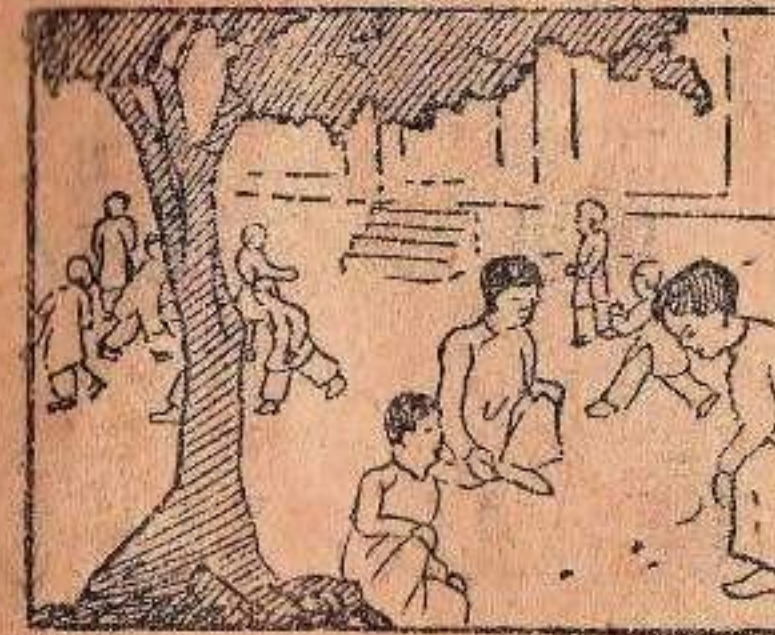
Xét lúc nào học-trò viết đã có tấn tới, bấy giờ hãy dạy viết thứ chữ ấy.

Lúc học đánh vần thì nên bắt học-trò theo bài học ấy mà tập viết một thẻ. Những học-trò tập viết hoặc theo nhịp của chúng, hoặc theo nhịp của thầy giáo.

Muốn cho chắc chắn, sau lại cho tập đọc và tập viết án tả vào bảng những tiếng đã học.

LỜI DẶN ÔNG THẦY. — Phải phân biệt những chữ trợ âm s với x, d, gi với r, ch với tr. S phải uốn lưỡi mà đọc để phân biệt với x; r cũng uốn lưỡi mà đọc để khỏi lẫn với d đọc như thường và gi đọc dài tiếng ra; tr cũng uốn lưỡi mà đọc để khỏi lẫn với ch; k đọc như c, ph đọc như chữ f tiếng Pháp.

Nguyên - âm ; i với năm dấu



i i

í ị ì ỉ

Bánh bì

thuongmaitruongxua.vn

ĩ ỉ ì ị ï ỉ

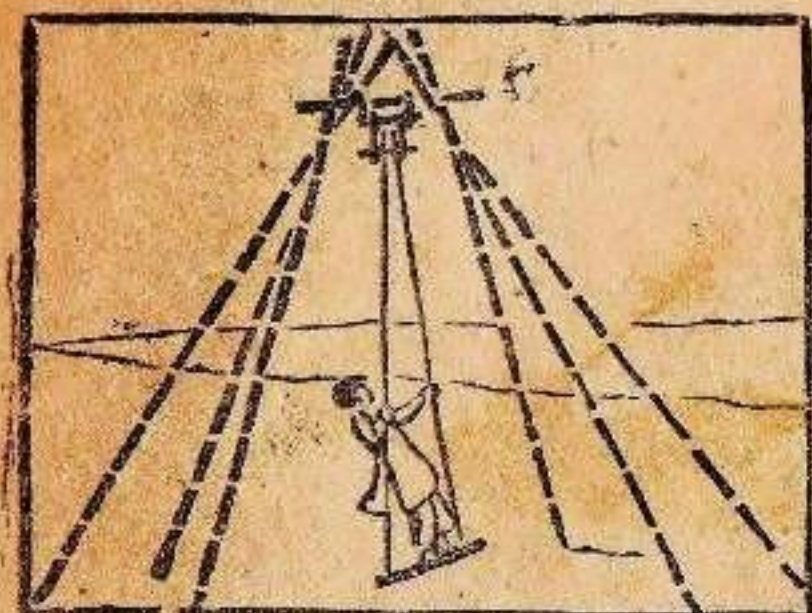
í ị ì ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ

í ị ì ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ

Tập viết III ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ ỉ và chép bài học.

BÀI THỨ 2

Nguyên - âm ; u với năm dấu



Đánh đu

u u

ú ú ù ù

u ú ù u ú ù u ú ù
u u u u u u u u u

ửử ửử ữữ ữữ

u u u u u u u u u u
u u u u u u u u u u

Tập viết : III

u ú ù ù ư ử

và chép bài học

BÀI THỨ 3

Nguyên - âm : o với năm dấu

u i ú í ï ô í ư ì ù ï ù ù ù

o o



Cái mo

ó ò ọ ỏ ơ ỡ ơ ỏ ỏ ỏ ỏ

ò ọ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ
o o ú o i ô ư i ô ú i ô i
u i ô ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ ỏ
ô ô u í ô u i ô ú i ô ù ô i ô u

Tập viết : o, u, i, o, o, o, u, i và chép bài học

Nguyên - âm : ô với năm dấu

u o i ô ú ọ í ò ú ị ô u ó ò o u i ô í ù ò ỗ ù ỉ ọ ù



Cái ô

ô ô

ô ỗ ỗ ỗ ô ỗ ỗ ỗ ỗ
 o ô ò ò ú i ô o í ò ỗ
 ỉ ỗ ỏ ỏ ỗ ỏ ỏ ỏ ỏ
 i ô ò ù ô i ọ ỗ ô ỉ ó u ô i ô

Tập viết : ô ô ỗ ọ ô ỗ ô ô ô và chép bài học.

Nguyên - âm : ơ với năm dấu

u o i ô ú ọ í ò ú ị ô u ó ò o u i ô í ù ò ỗ ù ỉ ọ ù



Quả mơ

ơ ơ

ơ ỗ ỗ ỗ ơ ỗ ỗ ỗ ợ ớ ơ ỡ
 o ô ơ ớ ọ ỗ ờ ò ô ó ơ
 ỏ ơ ỏ ỉ ô ỏ ợ ỏ ỏ ỉ ỡ
 ô ù i ơ ù ợ i ờ í ờ ù
 ỉ ó ỏ ỗ ỗ ỉ ớ ỏ ô ỉ ỗ ợ ớ

Tập viết : ơ ờ ỡ ợ ờ ỡ và chép bài học.

Nguyên-âm : a với năm dấu

ơ o ô ú ở ộ ố í ở ỗ ó ù ợ o ô



Con ba ba

a a

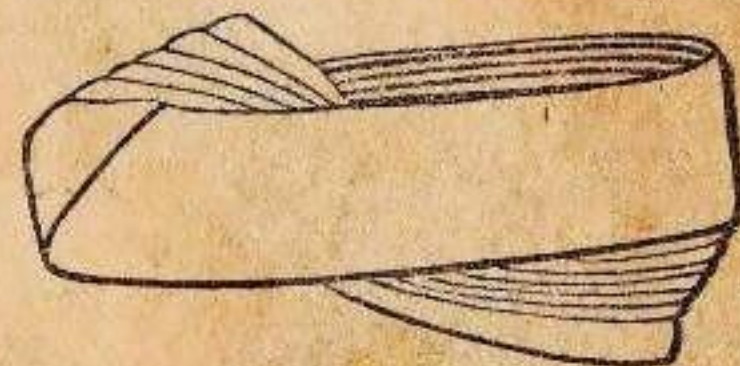
á â ạ ẫ ẩ ầ ắ ằ ẵ ẳ
 o ỏ ô á ù ơ ạ í ấ a
 mù ử í ợ ứ ỗ í ỗ ạ ứ
 a ó ù í ơ ấ ự á ô ở ạ ú í ô ả í ữ à

Tập viết : u ư ư ư ư ư và chép bài học.

Nguyên-âm : ă và â với năm dấu

ă ơ ư ỉ ồ ạ ở í ỗ à ự ấ ở ô

ă ă



Cái khăn

ă ơ ư ỉ ẫ
 ơ ợ ắ ữ ắ
 ô ự ừ ẫ ở

â â



Mâm cơm

â ẫ ạ ỗ ử
 ở â ộ ắ ử
 â ạ ắ ẩ ở

ă ở ù â ợ í ắ ô â ù í ắ á â ở
 Tập viết : Chép bài học.

Lời dặn ông thầy. — Hai nguyên-âm ă và â không bao giờ đứng riêng một mình và không theo sau phụ-âm một mình. Thí-dụ : á thì viết ă; ớ thì viết ở; ớ thì viết ở chứ không viết â; — cá thì viết cá; ớ thì viết ớ chứ không viết ớ; ớ thì viết ớ chứ không viết ớ.

Nguyên-âm: e và ê với năm dấu

ô ă ù â ố à i ă ô ă â ờ â ả ă



Xe ngựa

e e

e ê é è

ê ệ e ẽ

ẽ ẽ e ẽ

ê ê

ê ê ê ê

ê ệ ê ệ

ê ê ê ê

ă ô ộ ẻ ù ệ i ẻ â é ă ẻ ô ẻ e

o ẻ ê ă ẻ ù ẻ ô ê ỉ ẻ ẻ â ê ê

Tập viết: e, ê, é, ẻ, ẻ, ẻ và chép bài học.



Con dê

Nguyên-âm: ư và ơ với năm dấu

i o ă ô â ờ e ù ê ẻ ô ẻ ù ẻ ẻ

ư ư

Cái lư ư ử ừ ự ữ ứ
ư ừ ư ừ ừ ừ

y y y y



Cân tiêu-ly

ý ý ý ý

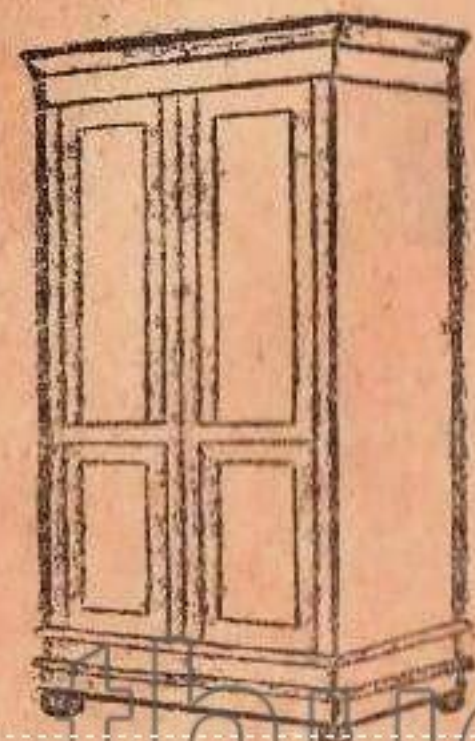
ý ý ý ý

u ỏ ư ô ử ả ẻ ù ê ử ơ ứ ử

ư ợ ý â ẻ ý ạ ô ỹ y y

Tập viết: ử, ư, ỉ, y, ý và chép bài học.

Lời dặn ông thầy. — Chữ y gọi là y dài là eo ý lấy hình chữ viết
đi và âm đọc cũng dài bằng hai chữ i thường, tuy vậy lúc đọc
lời gọi là i mà thôi.



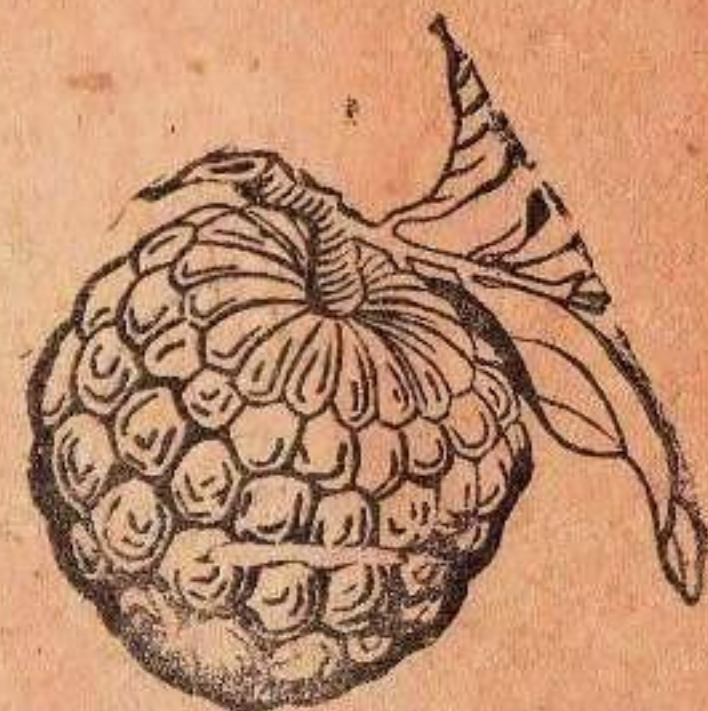
Cái tủ

t t
T T

ta tè tò ti té tà tề tú
tờ te tu tả ò tò tù
tơ tò tự tỉ tả tề tỏ tú
ô tò ; tù to ; ý tứ ; tử tề ;
tề tỏ ; từ tạ ; tò te tú tề

Tập viết : tế tổ ý tứ, tử tế.

n n
N N



Quả na

na nó nè nữ ni nổ ñi
nỏ nè nự nã ne nọ
né nợ no ná nổ nô nớ

no nè ; nự nỏ ; na ná ; nự na ; tù nó to ;
ni ở tù ; ta no nè ; nó nè ta ; nó ở
từ tề ; ô tò ta to ; nự na nỏ to ;

Tập viết nó ở tử tế



Cái mũ.

m m
M M

má, me, mỏ, mũ, mì, mỗ, mõ
ma, mủ, mê, mo, mị, mớ
mỹ, mà, mẽ, mỗ, mì, mã, mụ

mô - tô mủ ni; má no to; nó tò
mỏ; mủ nó to; Tý mở tù; ta mở
mả mợ nó tí mì mẹ Mỹ từ - tê,

ta viết: ta mở mả.

v v
V V



Con ve

va, về, vị, vò, vũ
ve, vu, vô, vè, và
vĩ vợ, vô, vũ, vẽ, vả, vé, vì
vu vợ; vò ve; vò; vị; ta mở vờ; nó vá mũ;
vò na to; tổ tò vò; vò mở to; mẹ Vỹ vá vò;
nó ở Mỹ về; tò vò vo ve; vô ý vô tứ;
mợ ta vồ về ta; mẹ ta và mợ Vũ về ô tô.

ta viết: Mẹ ta vồ về ta

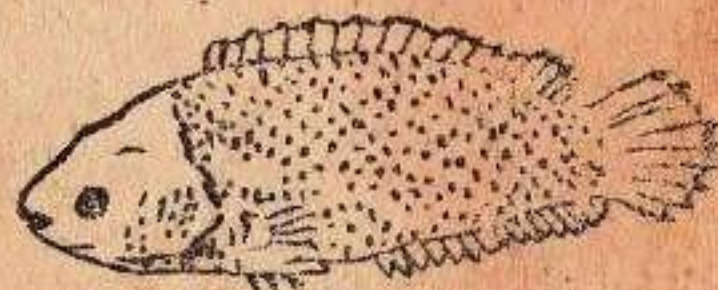


Mũ ni

tê, mã, ni, vò, tù, nữ,
mộ tô; mờ ví; vò tơ;
mô tô; tò mò; tò ý;

tê tê; từ tạ; vu vù; tự vị; vò vò;
vì nề; na ná; từ từ; vu vơ; tù và;
mỹ vị; mớ mả; Tỷ mờ vờ; mũ ta ở tù;
mẹ ta từ tê; Vy về ô-tô; mợ Tú tỉ mỉ;
Ta về tạ mộ tổ; Tư tò mò mờ tự vị.

Tập viết: Ca về tạ mộ tổ.

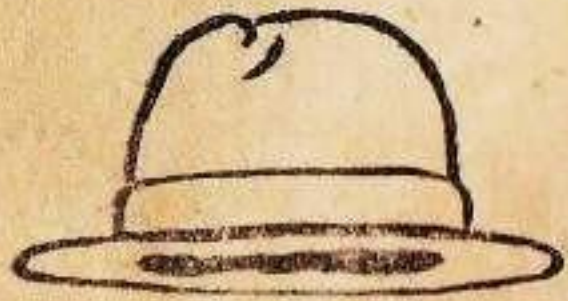


Con cá

ca, cò, cụ, cô, cử, cờ, cồ, cử, cả,
cơ, cò, cũ, cò, cạ, cò, cu, cả, cò,

cụ cử có vờ to; mũ ni cũ, có cá có cả;
cò có mò; có cá mè; cò Mỹ vô cá;
cụ Vy tò mò; mợ tú Tư ở cử; mẹ ta cụ
cò Tư; cụ tú có tù cò; cụ tò có mũ ni;
ô-tô cụ cử to; mợ cả và cô nó về ô-tô.

Tập viết: Cụ tổ có mũ ni



mũ dĩa

d d
D D

đa, dẽ, đi, do, dù, dẽ, dỏ, đi, dự
dã, dờ, dự, dĩ; đa, dẻ, dù, dò, do
vỏ dĩa; dĩa vị da cá; ví da; tự do;
do dự; ô và dù; nó có mũ dĩa;
đi và mợ về; cụ Dĩ có cỗ; nó dạ
mẹ nó; đa cụ cừ nè; nó có về do dự.

Tập viết: Nó dạ mẹ nó

r r
R R



mẹ ru con

ra, rẻ, rì, rỏ, rô, ru, rí, rỏ, rạ
rù, rẻ, rỏ, rò, rừ, rẻ, rả, rí, rẻ
ra rả; cà rả; tò rỏ; rẻ rả; ro rỏ; rỏ rá;
rù rẻ; rỏ cá rô; mớ cá rẻ; nó ra về;
ở rá có rạ; nó rù rẻ ta; mẹ nó ru nó;
mợ Rí mớ tù ra; rẻ cụ cừ ta ra về.

Tập viết: Mẹ nó ru nó



cây đa

đ đ
Đ Đ

đa, đi, đồ, đu, đê, đồ, đê, đá
đò, đê, đồ, đá, đu, đê, đồ, đồ, đê

đi đò ; đồ cò ; đồ mã ; đồ đá ; đu đu ;
đi ra ; ta đi đò ; đê đã vỡ ; ô-tô đồ ;
má nó đồ ; tú có đồ cò ; đê cá ở rò ;
đa nó đã đỡ nè ; đồ đá đê cừ đê.

Tập viết: Đồ đá đê cừ đê.

có, dạ, rõ, đủ, cò
mở cò, ra đi, đu đủ
tù dụ, đồ tề, mề cá
mò dề, cò dò, rò cá.



má rõ ; rù rờ ; cá rò to ; mở vờ ra ;
đò cá đi ; Tý vá đủ ; đi ra đi vô ;
nó đã về ; cừ rù cừ rù ; ba rò cá mề ;
ta có rò rá ; cụ Tú có đồ cò ; mợ Tý
mà cả na ; cô Mỹ đê mũ dạ ở tù ;
mợ cò Dư và mẹ ta đi đò đã về.

Tập viết: Để mũ dạ ở tủ.



Ông sư
(thầy chùa)

S s
S s

sa, se, sy, so, sô, sù, sờ, sà, sự
sì, sỏ, si, su, sợ, sả, sẽ, sủ, sỏ
se sẽ, sù sì; sư từ; vô sỏ; sờ mớ; đồ sỏ
sư từ dữ; nó đi se sẽ; nó sợ mẹ nó
ở rỏ có sỏ; vô sỏ mũ dạ; cô Sy ra sỏ
cò ta có đồ xừ; mũ sư cụ đã cũ
mẹ nó có vé sỏ sỏ; đi Sư có về từ tẻ

Tập viết: Nó sợ mẹ nó

X x
X x



Đồng xu

xa, xẻ, xi, xỏ, xừ, xẻ, xỏ, xừ,
xi, xe, xẻ, xả, xu, xẻ, xa,

xa xi; xà cừ; xừ xỏ; cờ xí; mớ xẻ;
xe cộ; nó ở xa; ta đi xe; đi xa đã về;
cò Sư xe tở; cô Tư xa xỉ; vô sỏ xe cộ;
xả ta có sư cụ; ta đã có xu đi xe;
bà ta và cô Xả ở ọ đã đi xe ra về.

Tập viết: Ta ở xừ xỏ ta.



Quả lê

l l
L L

lả, lủ, lỏ, lý, lể, lư, lộ, ly, lã
lệ, lọ, lờ, lể, la, lỏ, lể, lè, lò
xa lạ ; so le ; lọ sứ ; số lè ; lo sợ ; lo xa ;
Tý đi lò cò ; vò lo vô lự ; cụ lý ra đề ;
Lý đi la cà ; có ý lo xa ; xả ta tê lể ;
cụ lý có lọ sứ ; cô Lể đi xe đã xa ;
ta đề lá sả ở lọ ; cụ xả đã đi lể về.

Tập viết : có ý lo xa.

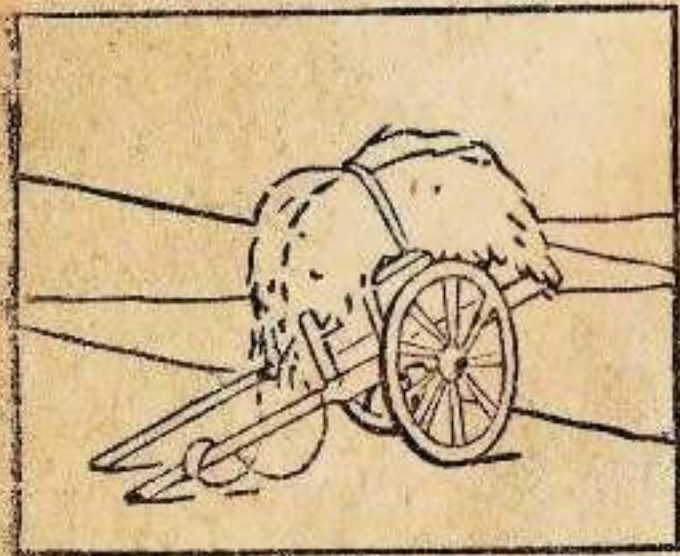
b b
B B



Bê bú bò

ba, bè, bi, bó, bẻ, bỏ, bẻ, bú, bẻ
bì, bỏ, bờ, bả, be, bỏ, bê, bì, bỏ
bà mụ ; tụ bạ ; be bờ ; ra bẻ ; bỏ đi ; cò bỏ ;
ở bờ bẻ ; bí ba bí bỏ ; cô Ba đi bò ;
bà ta bê ta ; bà tú từ bì ; nó đã bú nó ;
bó lá bỏ bỏ ; cụ bá có lò xứ ; bà nó và
nó ra bờ bẻ ; bà ta có cả bò cả bê.

Tập viết : Bà tú từ bì.



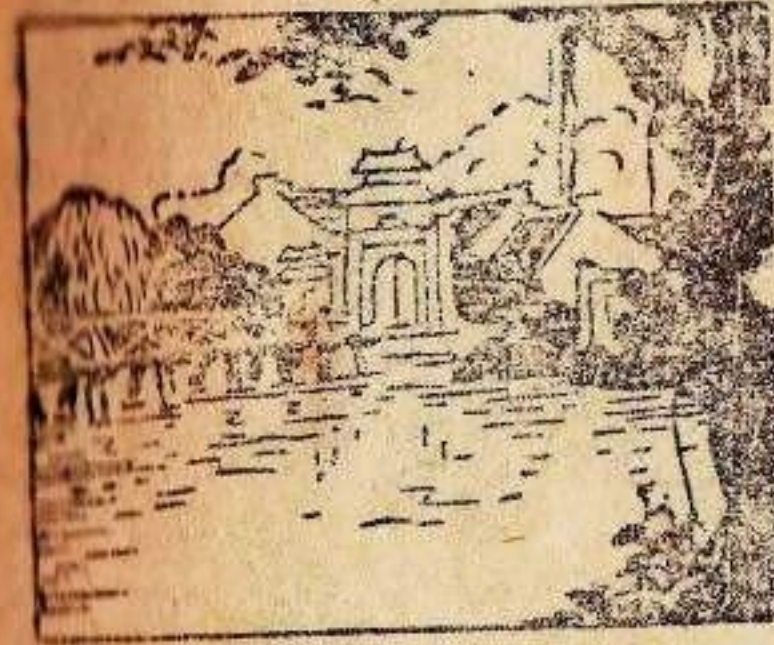
Xe bò

sĩ, xa, lẽ, bò,
xử, sờ, lẽ mẽ,
xử xỏ, be bé.

sa cơ; xa xa; e sỡ;

sù sì; xỉ mớ; cừ xử; xe cộ; tư xử;
la cà; lá sả; sờ lẽ; lẽ mớ; ba ba;
bó cò; bò mẹ; bê bú bò; nó bó mạ;
cụ cò lẽ; có ba xe rạ; xa lạ bơ vơ;
mò xà cừ ở bể; vì ta mà bò mẹ lo xa;
cò Lý đi xe ra bờ bể; ở xử ta vô sờ
đồ sứ rỏ; có ba xe bò đổ ở bờ đê.

Tập viết: vì ta mà bố mẹ lo xa.



Hồ

h h
H H

ha, he, hê, hi, họ, hử, hủ, hí, họ
hà, hư, hê, he, hờ, hủ, hỏ, hạ, hỏ
hà hê; hô đồ; hạ cộ; cá he; bờ hồ;
bà họ; ba họ; họ vệ; xử ta có hồ;
lọ hỏ bò hờ; bà ta ho xử xử; họ Lê
ta họ to; Tý có vệ hà hê; cụ cừ hi
hà ra đi; đi có ý vì ở vệ hê có hồ.

Tập viết: Đi có ý vì ở vệ hê có hồ

k k

kh kh

K

Kh Kh

K



Bông kê



Con khỉ

kê kê kị kê kị kị
khả, khi, kho, khô

khử, khe, khu, khí, khá, khê

Kỳ đi; kỳ đà; kỹ sư; sử ký; cả kho;
cá khô; khô sở; khí vị; khô khê; khi khi;
đi khê nê; bà Kỳ đi lễ; lá cờ cũ kỹ;
cá rô kho khê; ta đỡ kê khó; bà đi khe khê;
cứ kê nó kê lễ; ở xứ ta có khi có hồ;
mẹ Hà đã khá khá, đỡ lữ khứ lữ khứ.

Tập viết: Ca đỡ kê khó

g g

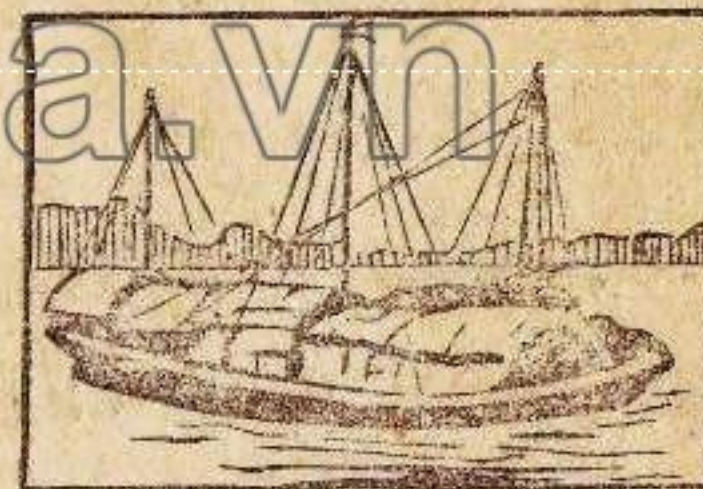
gh gh

G G

Gh Gh



Con gà (sống)



Chiếc ghe

ga, gò, gô, gụ, gà, gồ
ghe, ghi, ghê, ghê, ghi

ra ga; cò gà; gò má; gồ mỗ; ghê lờ; gồ gụ;
gồ ghê; gà mỗ bọ; ta gồ tồ; sư cụ gồ mỗ;
cụ Kỳ có ghê gụ; nó khô vì ghê lờ; bờ đê
gồ ghê khó đi; bác Sư ra ga đê bẻ ghi

Tập viết: Nó sợ ghê lờ



Cha con

ch ch
Ch Ch

cha, che, chi, chó, chợ, chủ
chữ, chị, chả, chỉ, chỗ, chờ
chè, cho, chủ, chê, chề, chề
cha mẹ; chả cá; che chờ; đồ che;
tư chi; chỉ tơ; về chỗ cũ; ba chữ ký;
chị Ba xe tơ; chữ ký nó rõ; chị Lý
đi chợ; chờ chê kẻ khó; chú Chữ có
chó dừ; chú ta che chờ cho ta; ở chợ
có tơ, chỉ, chè, cá khô, chả bò và chả cá.

Cha mẹ che chờ cho ta.

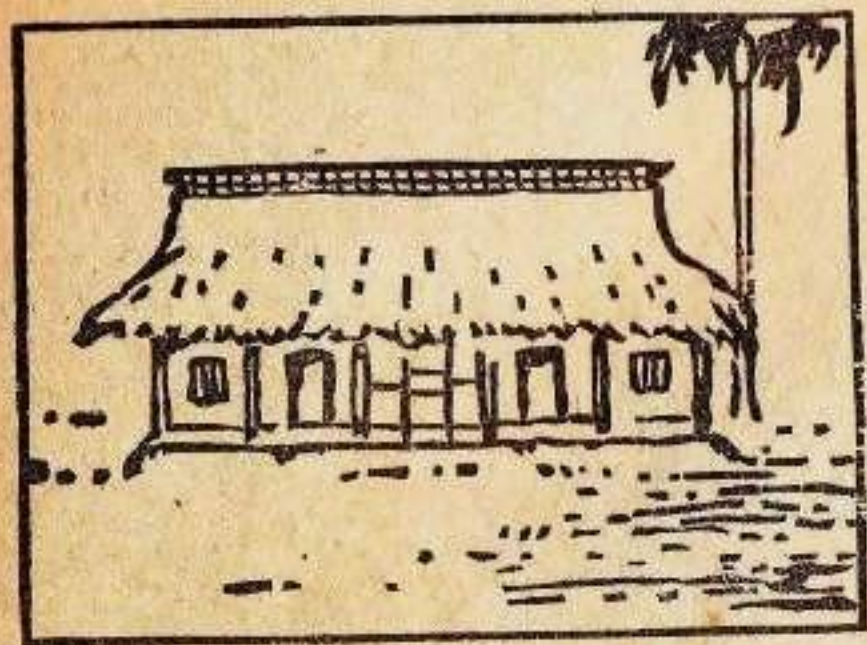
họ, kẻ, gà
chị, kỹ, ghê
du hí, ghê gồ



Sư gõ mõ

hồ đồ; chị cả; cũ kỹ; ty kỹ; khó ở;
khó kẻ; kẻ khó; có khi; gà gồ; gồ
ghê; chu vi; kẻ chợ; ở hồ có cá;
cò Kỳ khó ở; chị chờ cha mẹ; kẻ khó
khở sở; chú cả Chi chờ đồ; cha Mỹ có
bộ đồ chè; bà tú có vẻ khệ nệ; ghe to
đồ ở bờ bể; mợ và dì về hả hê; cụ Tý và
cụ Kê ho lộ khụ; cha Hò đi dò đề ra ga.

Tập viết: Chờ chê kẻ khó.



một nhà lá

nh nh
Nh Nh

nhà, nhẹ, nhi, nho, nhẹ, nhỏ
nhỏ, nhũ, nhả, nhẹ, như, nhẹ
nhi, nhỏ, nhớ, như, nhẹ, nhớ
nhà ở; nhà lá; nhà ra; nho nhỏ; chữ
nho; ở nhờ; nhà nó nhỏ; chú như cha;
đi nhẹ nhẹ chữ; nhà lá dễ đổ; cô Nhả
cứ lè nhẹ; chữ cụ Nhị lý nhi; Nhả đi
xa nhớ nhà; nhà chú ta có cổ; cho
ta đi xe nhờ; cụ có về nho nhả.

Có về nho nhả.



cá thu

th th
Th Th

ha, the, thê, thi, thờ, thơ
hê, thi, thờ, thò, thu, thử
hà, thê, thi, thò, thờ, thú
tha hồ; thả cá; đồ thờ; thô lỗ; thò
thò; thử thi; the ba chi; Thê có thứ
tự; Thu là kẻ thô lỗ; hồ xả ta thả cá
mè; Thò đi thi đồ thử nhì; tha thử
cho kẻ khù khờ; sự thê như thê thi
khó xử; cụ thử chỉ ký sổ chỉ thu.

Tập viết : Nó có thứ tự.



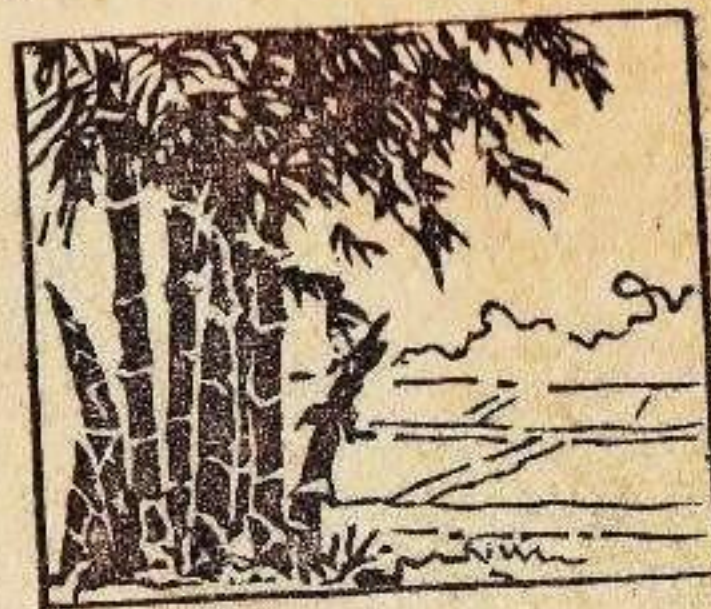
phu đáp dè

ph ph

Ph Ph

pha, phe, phi, phỏ, phở, phũ
 phỏ, phũ, phá, phi, phũ, phẻ
 phụ, phơ, phỏ, phí, phá, ph
 pha lè, phỏ lý, phở gà, bỏ ph
 Phũ - lý, phá chè nụ, chớ phụ ch
 mẹ, ta đi ra phỏ, phu đi ra đ
 phu phà chớ ô tô, thợ nề phá nh
 cũ, cụ Phi đi xe nhà, chú nó ở Phũ
 lý, ở phỏ ta có phờ bò và phờ gà

Tập viết : Chớ phụ cha mẹ.



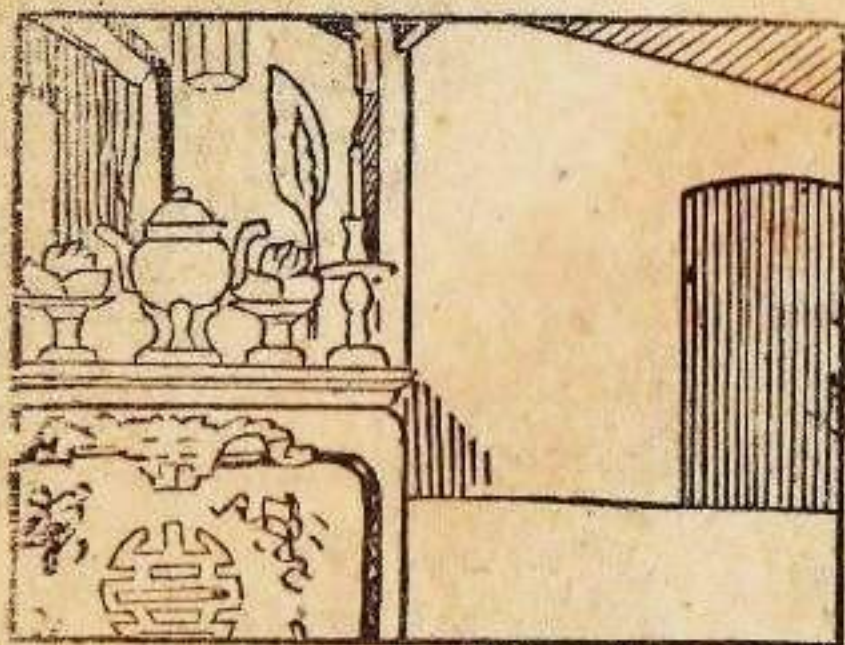
bụi tre

tr tr
Tr Tr

tra, tre, trì, trở, trở, trụ,
 trờ, trù, trợ, trí, trợ, trắ,
 trò, trì, tro, trở, trù, trò.

trí phủ; trí trá; trí nhớ; trò trẻ; ở trợ;
 trở về; chớ như đá; dễ như chè tre;
 che chớ trẻ bé; cá trê kho khê; chớ có
 trí trá; nhà có bờ tre; bà ta bù trí
 cho ta; cụ Trữ trở về nhà trợ; bà Tri
 và chị nó đi trẻ vì cứ trù trù

Tập viết : Chớ có trữ trá



nhà thờ

nhỏ, thụ, ph
trô, nhà, ph
trà, nhỏ cò
trô trô, nhớ ra

tha ra, thi đồ, phù sa, thợ nề, ph
phà, phó sứ, phu mỏ, phu xe, ch
chở, chơ vợ, nhà trọ, đi nhè nhẹ
nhà thờ họ, hồ là thú dữ, bà Nhự ở
nhà lá, chị Như đi nhờ cò, cha ta
pha cà phê, ra nhà thờ lễ tổ, mẹ Thi
bô thí cho kẻ khó, nhà thờ tổ nó ở
Phú-thị, ở bờ bể có nhà to nhà nhỏ.

Tập viết : Đi lễ nhà thờ



học trò đi học



oc, ot, on, om

học, lót, con, lôm, bóc,

sọt, ron, xóm, ngọt,

tròn, chòm, đọc, nhót,

chọn, khóc, nhọn,

chóc, ngon, khom, ngọc, cọt,

ngón, trót, dóc, nhóm, thòm.

mụn nhọt; vót nhọn; nom dòm; dòn xóc;

dò chót; chim hót; cò mọc còn non; quít

chín rứt ngọt; cò Ngọc chọn nhót; nhà to

cò ba cọt thóc; trẻ con đi học đề tập đọc;

vô vụ hề nhà quê có vô số đom đóm.

Tập viết : Đi học để tập đọc.

bị, mìn, nhìn,

tìm, thím, rít,

lút, vụn, cùm,

húc, phúc, trực

bút, thục, nức, rức, trức, dứt

lọt, hòn, hòm, cộc, móc, trở

quả tim ở ngực; thịt kho chín; cò Núi học; Lộc mò ọc; mẹ ồm con, học

chút thóc; bút chì vót nhọn; trò Ph

nút lọ mực; cụ Ba đã già lộn kh

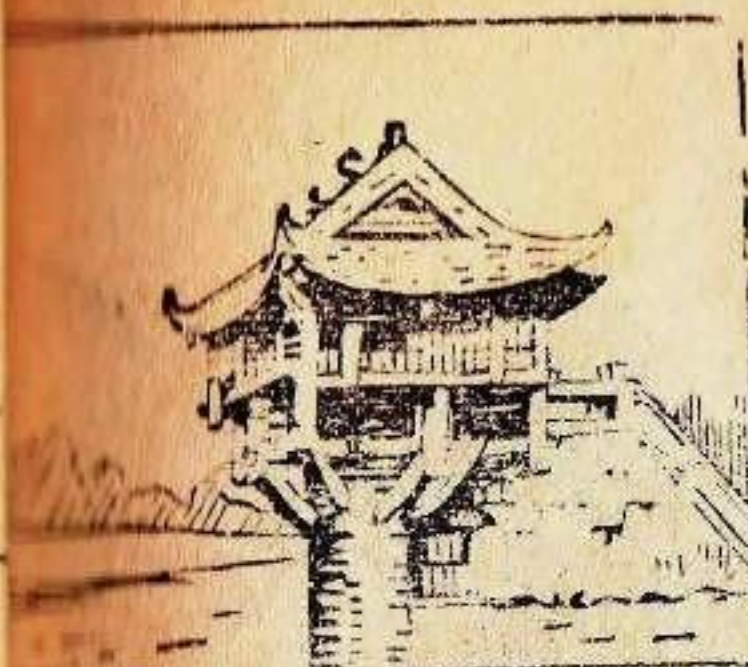
phụ lục lộ đũa xe cút kít; vì có gì

nó bứt thê; ở xóm ta có ba khóm tr

có sự gì mà bà Chục tức bực và khô sở th



con cóc



chùa một cột

Ô Ơ

ôt, ôn

ồm, ọc

òt, một, đôt, hòt, gột, dôt,

òn, hôn, tròn thôn, ngon,

òm, nôm, môm, trôm, hòm,

òc, lóc, móc, gộc, đóc, cộc,

chóc, cộc, ròn, gồm, quốc.

học ôn, lỗ vôn, hòm nọ, gia tộc, Còn

Núi học; Lộc mò ọc; mẹ ồm con, học

quốc ngữ; nhà thím Chi bị dột; xứ ta

có đồ gồm; tôm hùm to hơn tôm he,

nhà ta có bốn cột gỗ lim; cụ bà

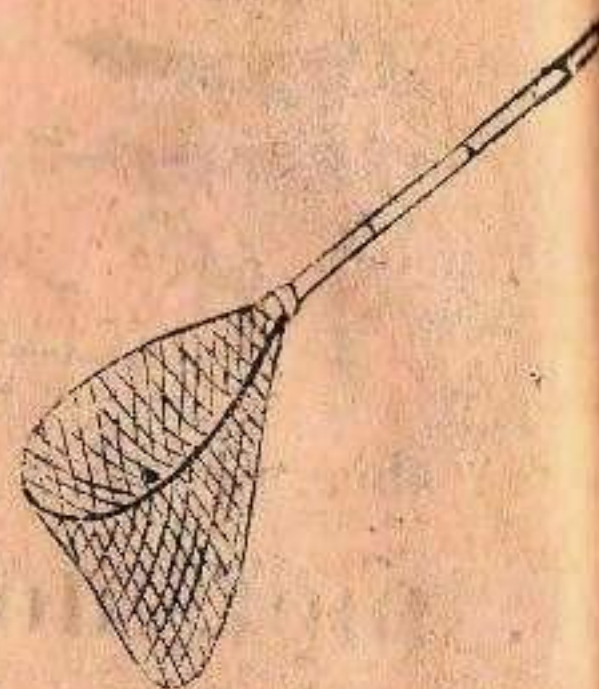
Mòn là một nhà nho ôn tồn từ từ.

Tập viết: Còn quý gia tộc.

Tập viết: Ở có phúc đức.

O O

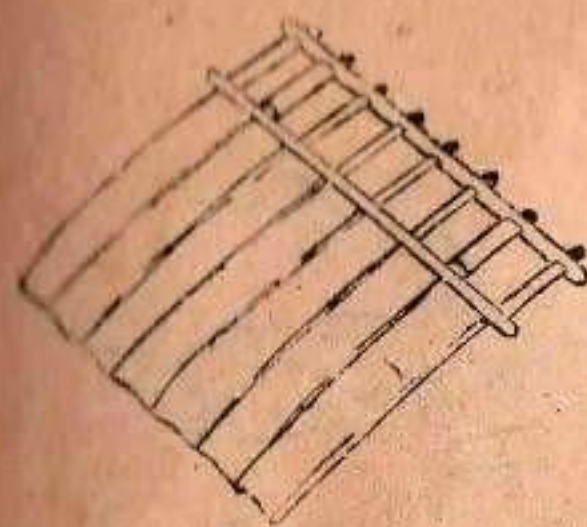
ót, ơn, ơm
bớt, vọt, chọt, thót
nhọt, lớn, hơn, con,
sơn, nhón, sớm,
thơm, bóm, xom,
chôm, phơn phớt, lộn sớt, rơm rạ,
bớt đi; đi học sớm; ta đã khôn lớn;
ta ơn cha mẹ; quả ớt chín đỏ; tóc mọc
lớn chớm; cô Tồn đã bớt cơn sốt; ở
ngã ba có thợ hớt tóc; mẹ ta hớt cơm
cho kẻ khó; ở bếp có cơm nếp và
cơm tẻ; về vụ gặt nhà ta có rơm rạ;
cô Sơn đã nhón có thể giúp đỡ cha mẹ.



vợt cá

Tập viết: Bớt cơm cho kẻ khó.

A A

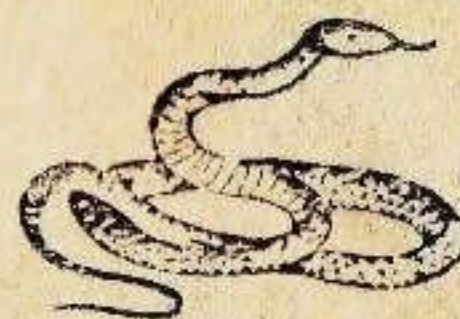
át, an
am, ác

Cái quạt lúa.

bát, hạt, sát, giạt, phát, gạt,
nàn, bán, lan, mán, tràn, đàn,
dám, chám, giám, tham, hám,
lạc, hạc, giac, chác, trạc, nhác.
bóc vỏ lạc; chẻ tre làm nan; quan phủ đi
khám đề; ham mê cờ bạc thì hư; bác phó
quản có ba gian nhà; bạn Trạc học làm thợ
nét; một đàn tám con vạc đỗ ở khóm tre;
bác xã Tam ra chợ bán ba bốn bì lạc;
bà giám đốc đã cho kẻ khó một bát cơm.

Tập viết: Ham mê cờ bạc thì hư.

A ă
ăn, ăl,
ăm, ặc



con rắn

bắn, vắn, rắn, cắn, nhẵn, khăn,
 hắt, mắt, mắ, cắt, gặt, quắt,
 lăm, nạm, mắ, trắ, thắ,
 xắc, giắc, lặc, mắ, khắ, trắ.
 cụ Năm chít khăn, mắ bàn lim nhắ,
 hột kê bé lắ nhắ, cón cắt bắt cón nhắ,
 cò Chắ ắn mắ từ tề, bà Khắ bán các
 thứ lắ vắ, kê thắ ắn là kê vô phép vô
 tắ, ta về quê gặp bọn thợ gắ vắ đòn sắ,
 về vụ sản bán xóm chú Khắ có gà gồ.

Tập viết: Kê thắ ắn là kê vô phép.

Học ôn :



mẹ hôn con

bột, chôn, gồm, hộc,
 một, độc, rơm, lộn,
 thớt đon, cơm, sớm,
 nát, vắn, lăm, nhac,
 ngac, đặc, đất, nhắt,

phát, thẩn, nhắ, còt, mớ,
 thơ thớt, cơm nếp, gia sản.

lột da thỏ; mẹ ta giã cơm; nhà ta
 ắn cơm sớm; đồ đặc để ngăn nắp;
 bác Sơn lắ thịt lộn; ở chợ bán
 than đất quá; ngồ là một thứ ngắ
 cồ; gia sản nhà nó có bốn nóc nhà.

Tập viết: Đồ đặc để ngăn nắp.

Â ã
âm, ăn,
ác, âl



bàn chân

bầm, cãm, đằm, phẳm, thẳm
cản, thản, bần, chán, trản, bác
bác, khắc, nắc, dặt, bắt, măt
căt, măt, gắc, quăt, răt, chăt
cãm ở bần; bác Trản đi dặt; học cho cản
mẫn; cụ Phẳm măt vì đằm, phu đắp đê răt
cản thản; chú Quăt bần một lò dặt, hòm
qua căt đằm cụ bá Băt, các con chớ đi
chân bần thê, các trẻ cản tắm cho cản
thản, chớ ăn ở bần vì ăn ở bần là vô lễ.

Tập viết: Học cho cản mẫn.



học trò đi học

o o

oc, ot, on, om
học, lót, con, lôm, bóc,
sọt, ron, xôm, ngọt,
trôn, chôm, đóc, nhót,
chôn, khóc, nhon,
chóc, ngon, khom, ngọc, cọt,
ngón, trót, dóc, nhóm, thom.
mụn nhọt; vót nhọn; nom dôm; đôn xóc;
lò chót; chim hót; cò mọc còn non; quít
chín rứt ngọt; cò Ngọc chọn nhót; nhà to
cò ba cọt thóc; trẻ con đi học để tập đọc;
vô vụ hệ nhà quê có vô số đom đóm.

Tập viết: Ghi học để tập đọc.

Học ôn

bị, mìn, nhìn,

tìm, thim, rít,

lút, vụn, cùm,

húc, phúc, trực

bút, thực, nức, rức, trực, dứt

lọt, hòn, hòm, cóc, móc, tróc

quả tim ở ngực; thịt kho chín; cò Ngà học;

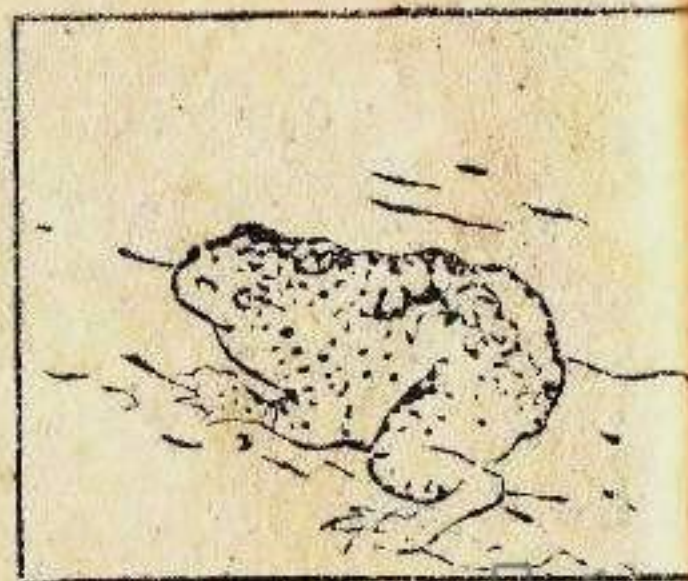
chút thóc; bút chì vót nhọn; trò Pháo

nút lọ mực; cụ Ba đã già lồm khồm

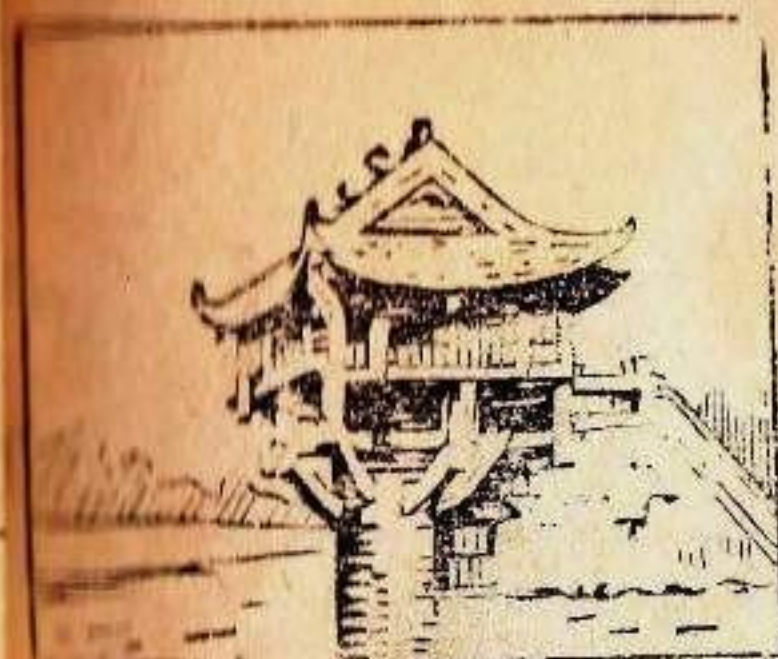
phụ lục lộ đùn xe cũ kít; vì cớ gì nó

bỏn thê; ở xóm ta có ba khóm trúc

có sự gì mà bà Chục tức bực và khổ sở th



con cóc



chùa một cột

Ô Ơ

ôl, ôn

ồm, ôc

lột, một, dột, hột, gột, dột,

bòn, hôn, tròn, thôn, ngôn,

lòm, nôm, môm, trôm, hòm,

học, lộc, móc, góc, dộc, cóc,

chóc, cột, ròn, gồm, quốc.

học ôn, lỗ vòn, hòm nọ, gia tộc, Còn

có đồ gồm; tòm hòm to hơn tòm he,

nhà ta có bòn cột gỗ lim; cụ bà

Mòn là một nhà nho ôn tồn tử tế,

Tập viết: Côn quý gia tộc.

Tập viết: Ở có phúc đức.

Ố Ỗ

ót, ơn, ơm

bớt, vọt, chọt, thọt

nhọt, lớn, hơn, con,

sơn, nhơn, sớm,

thơm, bơm, xom,

chơm, phơn phớt, lớn sẽ, rơm rạ

bớt đi; đi học sớm; ta đã khôn lớn

ta ơn cha mẹ; quả ớt chín đỏ; tóc mọc

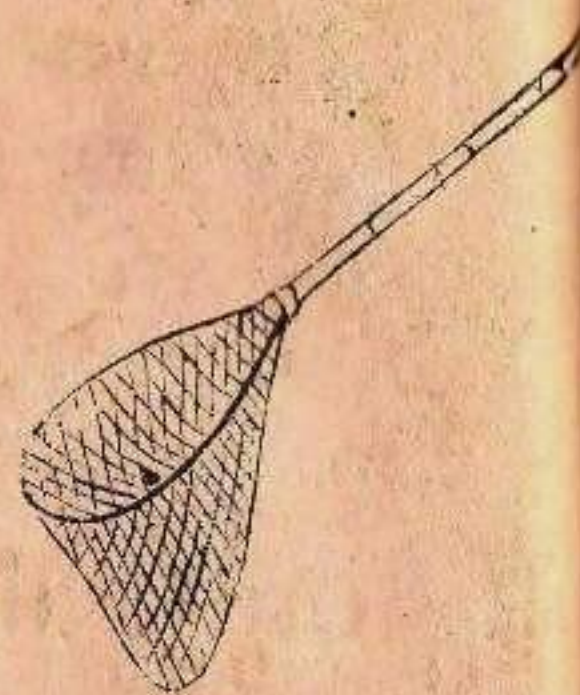
lớn chơm; cò Tồn đã bớt con sột; c

ngã ba cõ thợ hớt tóc; mẹ ta bớt cơm

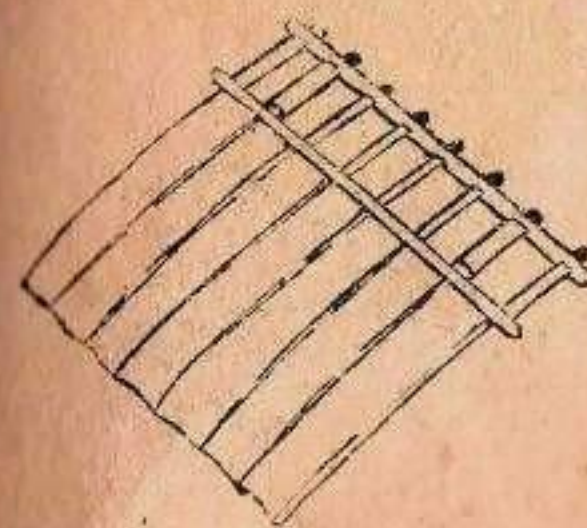
cho kẻ khó; ở bếp có cơm nếp và

cơm tẻ; về vụ gặt nhà ta có rơm rạ

cò Sơn đã nhơn có thể giúp đỡ cha mẹ.



vợt cá



Cái quạt lúa.

A ă

át, an

am, ác

bát, hạt, sát, giạt, phát, gạt,

nàn, bán, lan, mán, tràn, đàn,

dám, chám, giám, tham, hàm,

lạc, hạc, giác, chắc, trạc, nhác.

bóc vỏ lạc; chẻ tre làm nan; quan phủ đi

khám đề; ham mê cờ bạc thì hư; bác phó

quản có ba gian nhà; bạn Trạc học làm thợ

né; một đàn tám con vạc đỗ ở khóm tre;

bác xã Tam ra chợ bán ba bốn bi lạc;

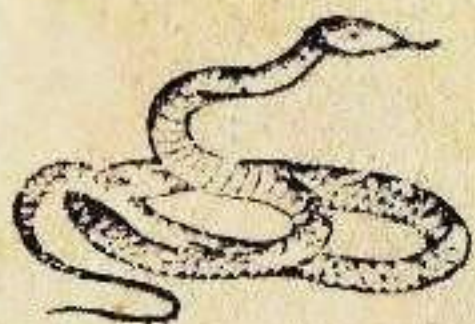
bà giám đốc đã cho kẻ khó một bát cơm.

Tập viết: Ham mê cờ bạc thì hư.

Tập viết: Bớt cơm cho kẻ khó.

Ơn cha mẹ biết ơn nào mà
cho hết

A ă
ăn, ắt,
ăm, ặc



con rắn

bắn, vắn, rắn, cắn, nhẵn, khăn
 hắt, mắt, mắ, cắt, gặt, quắt,
 lăm, nạm, nắ, trăn, thẳm,
 xắc, giặc, lặc, mắ, khắc, trắ,
 cụ Năm chít khăn, mặt bàn lim nhẵn
 hột kê bé lắt nhắt, con cắt bắt con nhạn
 cò Chắt ăn mặc tử tế, bà Khán bán các
 thứ lặt vặt, kẻ tham ăn là kẻ vô phép vô
 tắc, ta về quê gặp bọn thợ gặt vác đôn sọc
 về vụ sản bản xóm chú Khắc có gà gò.

Tập viết: Kẻ tham ăn là kẻ vô phép.

Học ôn :



mẹ hôn con

bột, chồn, gồm, hộc,
 một, độc, rơm, lợn,
 thốt đon, cơm, sớm,
 nát, vắn, lăm, nhac,
 ngac, đặc, dặt, nhặt,

phát, thăn, nhảm, cật, mỗ,
 thơ thốt, cơm nếp, gia sản.

lột da thỏ; mẹ ta già còm; nhà ta
 ăn cơm sớm; đồ đặc để ngăn nắp;
 bác Sơn làm thịt lợn; ở chợ bán
 than dặt quá; ngò là một thứ ngũ
 cộc; gia sản nhà nó có bốn nóc nhà.

Tập viết: Đồ đặc để ngăn nắp.

Â **Ô**
âm, ăn,
ác, âl



bàn chân

bầm, cảm, dầm, phạm, thắm, bên, ven, hèn, chén, kén,
 cần, thận, bản, chân, trăn, bác, quen, tem, xem, nếm, chếm,
 bắc, khắc, nắc, dặt, bắt, mắt, kém, thêm, nét, chệt, thợ
 cắt, mặt, gấc, quật, rất, chát, rền, ẩm, chén, nem, chả
 cặm ở bản; bác Trần đi dặt; học cho cần
 mẫn; cụ Phạm mặt vi da, phu đắp dè rất
 cần thận; chú Quật bán một lò dặt, hòm
 qua cắt đám cụ bá Bật, các con chó đẻ
 chân bản thê, các trẻ cần tắm cho cần
 thận, chó ăn ở bản vì ăn ở bản là vô lễ.

Tập viết; Học cho cần mẫn.

E **Ê**
et, én,
em, éc



con vẹt

vẹt, mẹt, sét,
 ghét, chét, quét,
 bên, ven, hèn, chén, kén,
 quen, tem, xem, nếm, chếm,
 kém, thêm, nét, chệt, thợ
 rền, ẩm, chén, nem, chả
 gàn mực thì đen, thợ rền rền sắt, bà Chi
 thấp đèn, ăn vặt quen mồm, con Sen quét
 nhà, cụ Tú dãi hom hèm, ở chợ có bán
 nem chả, phố ta lắm ngõ hèm, ta chó ghen
 ghét kẻ hơn ta, nó hèn về quê thăm em
 ta, ta cần xem xét chỗ ăn ở cho cần thận.

Tập viết: Gàn mực thì đen.

Ê Ë

êm, ên, ệt

nêm, mêm, đêm,

thêm, đêm, nên,

mên, trên, nhện,

nện, thết, tét, két, vệt, rết,

bết, nết na, bền chặt, mềm run,

chậm như sên, năm hết tết đến, Ất sẽ

lên lớp trên, ta nên quý mên chú bác, cụ

Mên có cổ thết bạn, ban đêm nhà quê rất

êm đêm, đêm que từ một đèn một trăm,

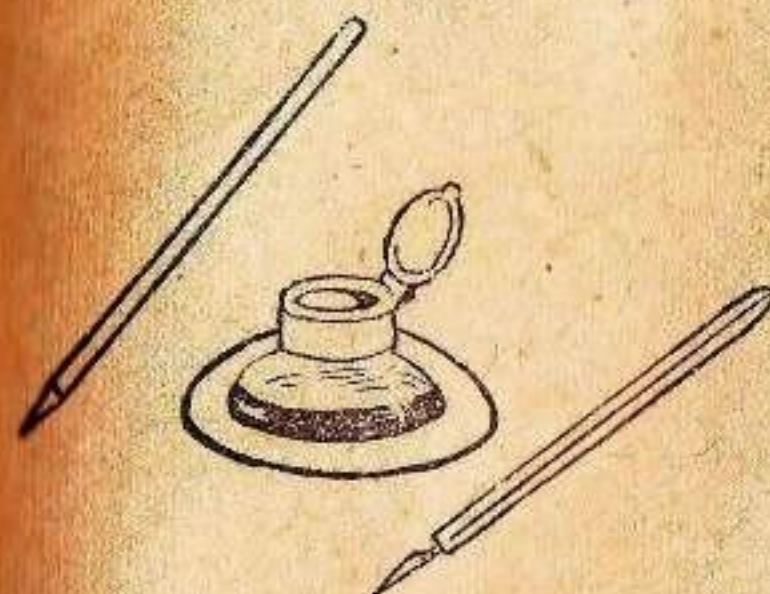
Thêm là học trò chăm chỉ và có nết, các

đồ đạc cần giữ cho đẹp để và bền chặt.

Tập viết: Quý mện chú bác.



cây nến



bút chì, lọ mực, quăn bút

cột, bôn, tôm, tọc, cát, cạn, cảm,

bác, chắc, sắt, đặc, cảm, cật, men.

cam chín rất ngọt; chim sè có mỏ nhọn;

xóm ta có hơn trăm dân; chị Bút đi chợ

bán quít; đèn vự nực ta đi nghỉ mát ở

bờ bể; học trò đi học có vở, bút chì,

quăn bút và lọ mực; ở chợ có bán đồ ăn

như thịt, cá, tôm, mắm và các thứ quả.

Tập viết: Vự nực nên đi nghỉ mát

Học ôn

thịt, tím, xin,

ngút, nhũn, vục,

sức, vút, hóc,

đột, nồn, khóm,

cột, bôn, tôm, tọc, cát, cạn, cảm,

bác, chắc, sắt, đặc, cảm, cật, men.

cam chín rất ngọt; chim sè có mỏ nhọn;

xóm ta có hơn trăm dân; chị Bút đi chợ

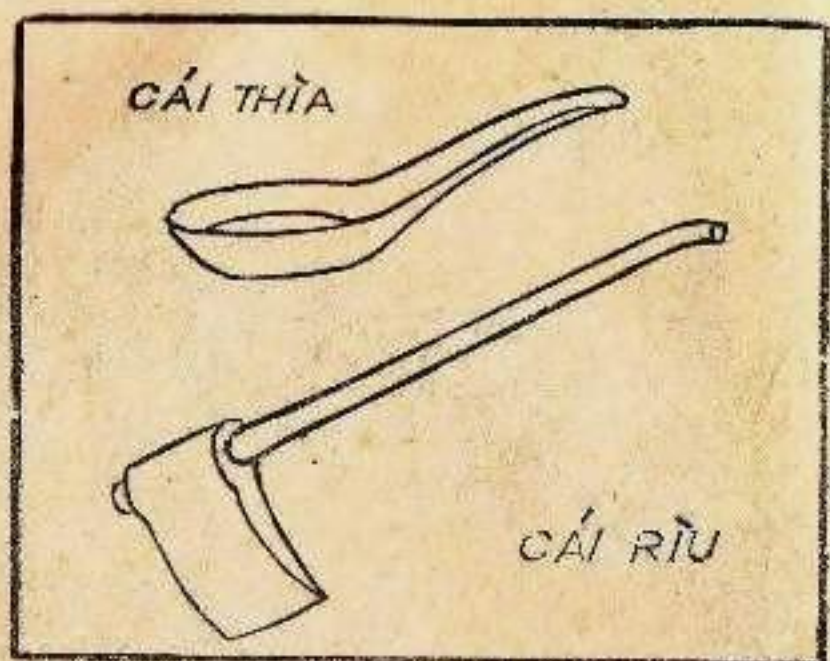
bán quít; đèn vự nực ta đi nghỉ mát ở

bờ bể; học trò đi học có vở, bút chì,

quăn bút và lọ mực; ở chợ có bán đồ ăn

như thịt, cá, tôm, mắm và các thứ quả.

iu, iu,
ia, ia

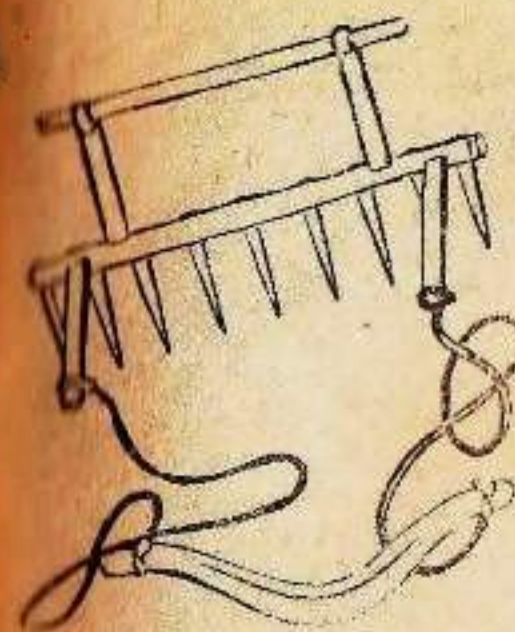


biu, liu, diu,
riu, thiu, triu,

bia, lia, mía, thìa, đĩa, chia,
bạn - biu, hiu - hiu, riu - rít,
bia - đá, thìa - đĩa, nghĩa - lý,
ngắm - nghĩa, bản - thiu.

gió hiu hiu mát; bạn biu con thơ, ép mía
làm mát; vác riu đôn cùi; binh lính đi
bắn bia; chim hót riu ra riu rít; trò Nghĩa
học ở lớp ba; tràng học làng ta chia làm
bà lớp; khi ăn quan thanh tra dùng thìa đĩa.

Tập viết: Chim hót riu ra riu rít



cái bừa

ura, uri, uu

ura, uri, uu,

bừa, lửa, tựa,

nửa, trưa, ngựa,

hùa, cùi, ngừi, lừu, sừu,

mừu, hừu, ngừu, cừu, từu,

từa-tựa, chứa-chấp, về hừu.

cừu cho ta len; cù phủ về hừu; em Lan
đi chăn bò; bà Hừu chăm dệt cùi; cừu và
ngựa ăn cỏ; bừa đi bừa lại cho kỹ; phu sở
canh nông đang bừa đất; cô Từu rửa mặt
rất sạch sẽ; cô Lan đi đưa sữa chứa về.

Tập viết: Bừa đi bừa lại cho kỹ

úi, uở,
ua, uê, uỹ
bụi, dùi, thui,
mũi, thuở, lựa,



thui bò (hui bò)

đũa, búa, của, huê, thê, nhưê,
khuy, tủy, thủy, lủy, vui, rui,
đua, mua, quê, truy, túi của.

đũa có đôi; thui bò đề tề; nộp thuế
cho đủ; Truy thuê nhà đề ở; thuở xưa
ở xứ ta có giặc; xung quanh làng ta có
lũy tre; kinh đô xứ Trung-kỳ là Huê;
cô Huê đi chợ mua vải, lựa và khuy;
khi ăn ta chớ khua đũa khua bát.

Tập viết: Khi ăn ta chớ khua đũa, khua bát.



buồng cau

ai, au, ao,

ay, âu, ây

mại, cái, dài, lại,

cháu, lau, bấu, chao, ngao,

láo, gạo, tay, thấy, nhảy,

chạy, bấu, mẩu, giầu, khâu,

cây, mây, phẩy, tẩy, bãi, trâu.

ai vào đây? trâu bò cây bừa, cần câu có
phao; thấy giáo dạy chúng ta, chị Mai-khâu
vá quần áo vải, bờ ao có cây gạo cao quá,
ở bãi cát có mây giấy thâu dẫu; học trò
tập thể thao, giơ tay, chạy, nhảy ở giữa sân.

Tập viết: Ăn cây nào rào cây ấy

oa, oi, oe, ôi

tòa, xóa. hoa,

thỏa, góa, khoa,

nói, thối, gọi,

khỏi, hỏi, đôi,

xoe, lõe, nhõe, khỏe, tôi, nói

thối, phối, khỏi, chối, tội, trối.

ai hỏi tôi? cháu Bảy chạy khỏe lắm;

mẹ nó bán cháo phối; tôi đã học bài

thơ: « Cái chối »; nói dối là một thói xấu

to; cậu Hòe lấy chìa khóa mở tủ; con

Hoa thối cơm, khỏi lên nghi ngút, mẹ

anh Khỏi nấu cháo hoa cho kẻ



hoa huệ

Tập viết: Nói dối là một thói xấu.

oi, eo, êu

tới, nơi, mời,

chơi, cời, phơi,

mèo, kéo, đèo, leo, bèo, trèo,

nêu, thêu, đều, sêu, lêu, rêu,

trời, theo, rêu, đời, kẹo, kêu.

xấu đều hơn tốt lời; con mèo trèo cây cau;

tôi phơi áo của anh Mai; học trò cời áo

tập kéo dây (kéo co); chị Kẹo thêu một cái

khăn bàn theo lời cô; cậu Giỏi mời tôi đi

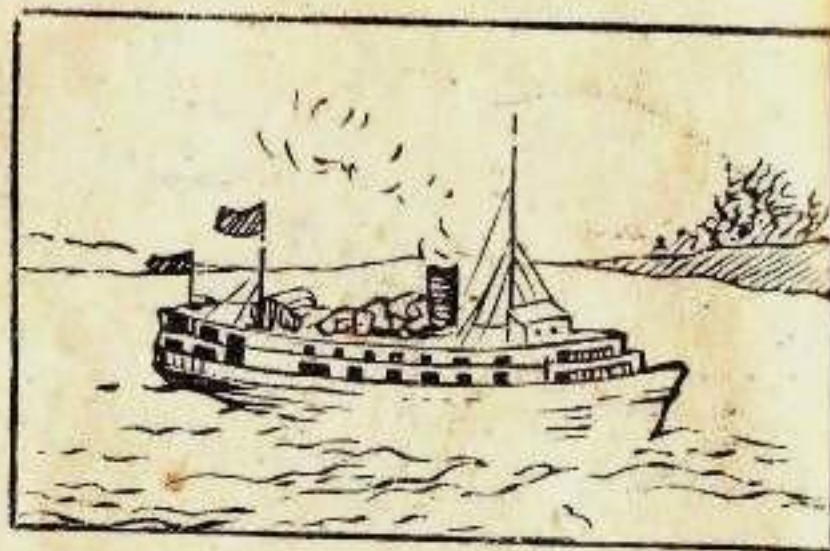
chơi với bạn, nêu tôi có thì giờ thì tôi đi.

Tập viết: Xấu đều hơn tốt lời



con mèo

bắn bia, biu-
diu, lừa - dôi,
mắc cửi, sừ
thuê, mặt mũi



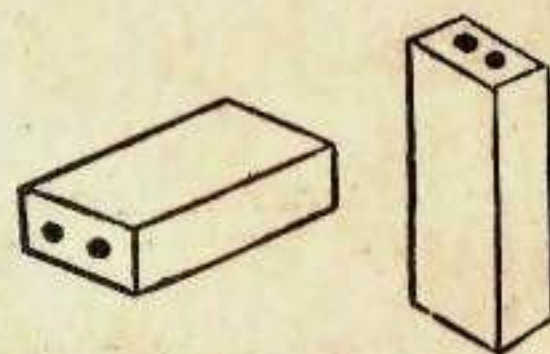
tàu thủy

lùi xui, thuở xưa, lúa má,
tàu thủy sắp chạy.

Tàu kéo neo, sắp chạy; trên bến xe
cộ tập nập như ngày hội. Bạn bè ai
này vội-vàng đến chào kẻ sắp đi xa.
Tàu chạy rồi, họ còn giơ tay vẫy nhau,
trông có vẻ tập nập. Trên trời khói tỏa đã
mờ; bạn bè mới chịu chia tay. Rồi ai về
nhà này trong lòng đeo nỗi nhớ nhung.

Tập viết: Ở nhà nhớ kẻ đi xa

ích, ếch, ách



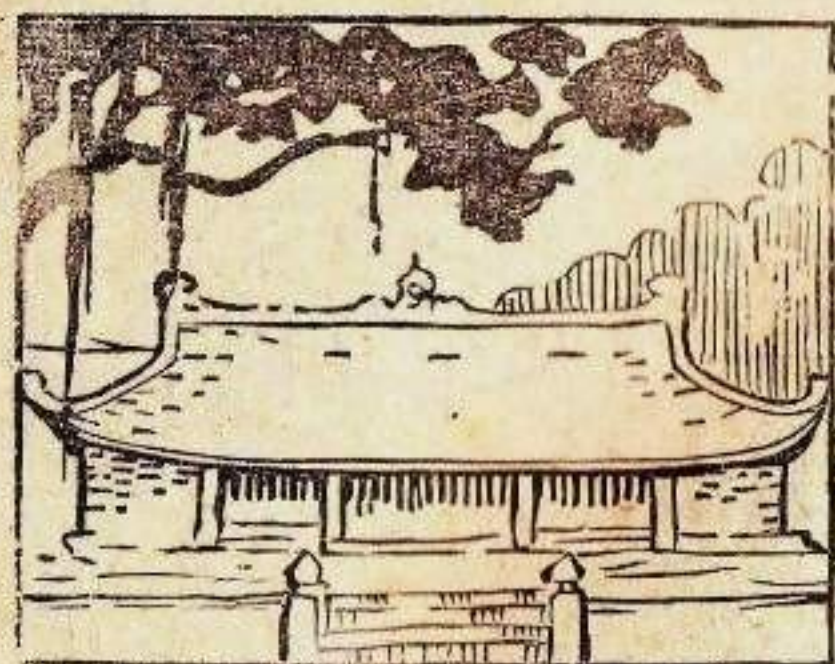
hòn gạch

bích, tích, đích, kích,

thích, nghịch, lếch, mếch, rêch,
quệch, bạch, mách, rách, thạch,
phách, khách, ngạch, hộ-tịch,
tịch-mịch, lếch-thếch, bách-bộ.

lý dịch giữ sổ sách; cụ Hạch có nhà
gạch; nồn chú Xích bạc phếch; học trò
cặp sách ở nách; bác Bích thích đi du
lich; cô Bạch ăn mặc lếch tha lếch thếch;
chú Phách đi bách bộ ở bờ đê; ta
cần đi học vì sự học có ích cho ta lắm.

Tập viết: Đi học cần ăn mặc cho sạch sẽ



cái đình

Y y

inh, ynh
ảnh, ênh

binh, đình, lĩnh, sinh, chính,
cảnh, bánh, nhanh, tranh,
quanh, lệnh, mệnh, nghênh,
khênh, bệnh, bình - an,
mạnh - mạnh; chênh - chềch.
em Bình rất bình tĩnh; gió lọt qua mảnh
mảnh; bác Quynh có nhà tranh; cụ chánh
thích ăn bánh ngọt; trò Bách chúc thầy
bình an; quan trên có lệnh mộ lính; nhà
chú Đình ở chênh vênh; nhà cụ Vinh có cổ
lĩnh đình; bè gỗ đi lệnh dênh trên mặt bè.

Tập viết: Chúc thầy bình an

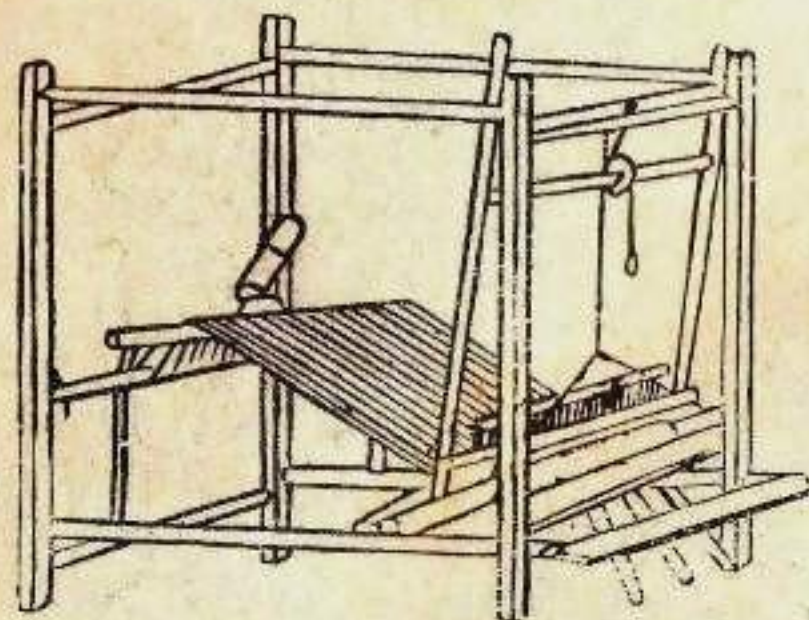
ang,
ăng,
âng,



cái cang

bang, cang, lạng, phảng, khang,
bằng, hăng, rặng, gặng, thẳng,
tặng, nằng, vặng, dặng, chằng,
lạng-mạc; kỹ-càng; trằng học.
chị ngã em nằng; bác Thằng đi cang;
ngày rằm giăng tròn; cụ già đặng hăng;
nhà ta có ba tầng; phu lục lộ lấp dật
cho bằng phẳng; Quảng-Bình là một
tỉnh ở gần bờ bể; anh Khang rất
chăm chỉ nên có tên ở bằng danh dự.

Tập viết: Chị ngã em nằng



khung cửi (không cười)

ung, ung
ông, ong,
êng, eng

bụng, lụng

tụng, vụng, dung,

thùng, chung, khùng, nhùng,

trung, lụng, bụng, rụng, chùng,

mưng, thưng, trưng, ngưng,

vụng, dung, rụng rậm; xúng

đáng; bánh chưng; làm lụng.

mặt búng da chì; lính tập bắn súng; tét

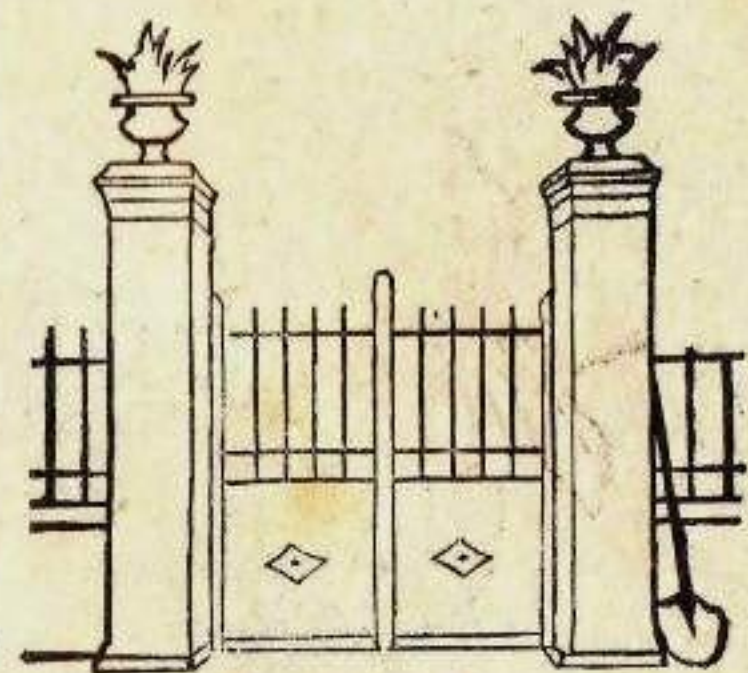
có bánh chưng; xã ta có lò nung gạch;

rụng rậm có thú rữ; ăn ở cho xúng

đáng là học trò tốt; chị Lung ra chợ

bán ba thùng ngô và bốn thùng thóc.

Tập viết: Xúng đáng là học trò tốt



cổng sắt

ông, ong,
êng, eng

cổng, bông, hồng,

mộng, sông, chồng,

bóng, hồng; vông, chổng,

giông, ngông, sổng, keng, leng,

kêng, thông, phòng, bằng-

lòng; thong - thả; đông đúc.

thong thả mời ông lại chơi; bà Phong nằm nghỉ ở

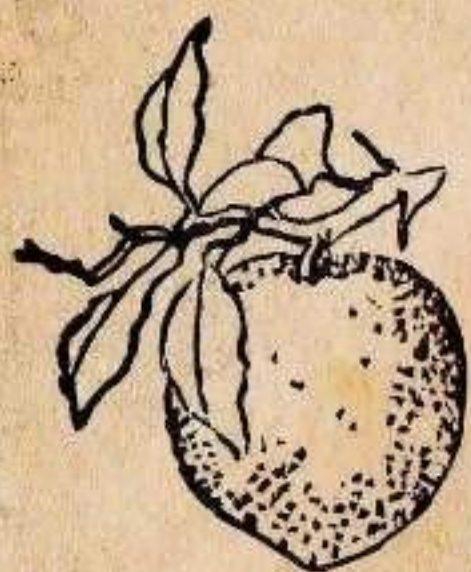
vông; học sao cho cha mẹ bằng lòng; bác Thông cũng

kêng em Hồng; lễ nhà thờ rất long trọng; quan tổng

đốc đi xe song mã; trong tổng ta có chợ đông đúc;

chung quanh làng ta có cánh đồng rộng mông mênh.

Tập viết: Học sao cho cha mẹ bằng lòng



quả chanh

dịch, chềch, gách,
trạch, chích, sinh,
lánh, chánh, vênh,
huỳnh, tảng, quăng,
trăng, giăng, răng,

trúng, củng, dụng, đứng, nhưng,
đồng, tông, đống, rống, mềng.

mặt bề mông mênh, sóng vỗ ở bờ bề,
cô Nhung tính phung phí, bác Phụng
đã ưng đi lính, ta chớ nên học
dờ dang, chớ có phá phách đi tích cổ,
đền tét trung - thu trẻ con mùa rống,
đêm qua sáng giăng ta đi chơi mát.

Tập viết: Chớ nên học dở dang

huongmaitruongxua.v